Chi tiết mã HS 7322.11.00

Mã HS	7322.11.00
Mô tả hàng hóa	Lò sưởi của hệ thống nhiệt trung tâm không dùng điện và các bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép; thiết bị làm nóng không khí và bộ phận phân phối khí nóng (kể cả loại có khả năng phân phối không khí tự nhiên hoặc khí điều hòa), không làm nóng bằng điện, có lắp quạt hoặc quạt thổi chạy bằng mô tơ, và bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép / - Lò sưởi và bộ phận của chúng: / - - Bằng gang đúc
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 17:37:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/73221100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	40.5	40,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11909
Thuế NK ưu đãi (MFN)	27	27%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11909
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11909
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	18.9	18,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	22	22%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11264
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11207
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11207
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11207
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11207
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11207
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11207
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E11259
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11259
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11259
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11259

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11259
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11259
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11260
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11260
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11260
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11260
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11260
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11260
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11263
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11213
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11219
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11219
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11219
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11219
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11219
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11219
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11250
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11250
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11250
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11250
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11250
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11250
VCFTA	2022	2022	28	VC!D11297
VCFTA	2023	2023	28	VC!E11297
VCFTA	2024	2024	22	VC!F11297
VCFTA	2025	2025	22	VC!G11297

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	22	VC!H11297
VCFTA	2027	2027	22	VC!I11297
VN-EAEU	2022	2022	7,4	EAV!D11282
VN-EAEU	2023	2023	4,9	EAV!E11282
VN-EAEU	2024	2024	2,5	EAV!F11282
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11282
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11282
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11282
AHKFTA	2022	2022	16	AKH!D11282
AHKFTA	2023	2023	11	AKH!E11282
AHKFTA	2024	2024	11	AKH!F11282
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G11282
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H11282
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11282
EVFTA	2022	2022	13,5	EV-NK!D11299
EVFTA	2023	2023	9	EV-NK!E11299
EVFTA	2024	2024	4,5	EV-NK!F11299
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11299
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11299
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11299
UKVFTA	2022	2022	13,5	UKV!D11298
UKVFTA	2023	2023	9	UKV!E11298
UKVFTA	2024	2024	4,5	UKV!F11298
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11298
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11298
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11298

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11245
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11245
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11245
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11245
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11245
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11245
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11245
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11282
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11282
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11282
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11282
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11282
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11282
RCEP B	2022	2022	0	B!D11282
RCEP B	2023	2023	0	B!E11282
RCEP B	2024	2024	0	B!F11282
RCEP B	2025	2025	0	B!G11282
RCEP B	2026	2026	0	B!H11282
RCEP B	2027	2027	0	B!I11282
RCEP C	2022	2022	0	C!D11282
RCEP C	2023	2023	0	C!E11282
RCEP C	2024	2024	0	C!F11282
RCEP C	2025	2025	0	C!G11282
RCEP C	2026	2026	0	C!H11282
RCEP C	2027	2027	0	C!I11282
RCEP D	2022	2022	0	D!D11281

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E11281
RCEP D	2024	2024	0	D!F11281
RCEP D	2025	2025	0	D!G11281
RCEP D	2026	2026	0	D!H11281
RCEP D	2027	2027	0	D!I11281
RCEP E	2022	2022	0	E!D11285
RCEP E	2023	2023	0	E!E11285
RCEP E	2024	2024	0	E!F11285
RCEP E	2025	2025	0	E!G11285
RCEP E	2026	2026	0	E!H11285
RCEP E	2027	2027	0	E!I11285
RCEP F	2022	2022	0	F!D11282
RCEP F	2023	2023	0	F!E11282
RCEP F	2024	2024	0	F!F11282
RCEP F	2025	2025	0	F!G11282
RCEP F	2026	2026	0	F!H11282
RCEP F	2027	2027	0	F!I11282
VIFTA	2024	2024	24.3	VI!F10450
VIFTA	2025	2025	21.6	VI!G10450
VIFTA	2026	2026	18.9	VI!H10450
VIFTA	2027	2027	16.2	VI!I10450

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7322.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 27% của mã 7322.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11909), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.